UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141 /TB-SGDĐT

Hải Phòng, ngày 21 tháng 4 năm 2022

THÔNG BÁO
Quy định bảng mã sử dụng trong Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2022 - 2023

Kính gửi: Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện.

Sở Giáo dục và Đào tạo quy định bảng mã sử dụng trong kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 Trung học phổ thông (THPT) năm học 2022 - 2023, như sau:

1. BẢNG MÃ NGUYỆN VỌNG (NV) ĐĂNG KÝ DỰ THI

STT	TÊN TRƯỜNG/LỚP	MÃ NV
1	THPT An Dương	01
2	THPT An Lão	02
3	THPT Bạch Đằng	03
4	THPT Cát Bà	04
5	THPT Cát Hải	05
6	THPT Cộng Hiền	06
7	THPT Đồ Sơn	07
8	THPT Đồng Hòa	08
9	THPT Hải An	09
10	THPT Hồng Bàng	10
11	THPT Hùng Thắng	11
12	THPT Kiến An	12
13	THPT Kiến Thụy	13
14	THPT Lê Chân	14
15	THPT Lê Hồng Phong	15
16	THPT Lê ích Mộc	16
17	THPT Lê Quý Đôn	17
18	THPT Lý Thường Kiệt	18
19	THPT Mạc Đĩnh Chi	19
20	THPT Ngô Quyền	20
21	THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	21
22	THPT Nguyễn Đức Cảnh	22
23	THPT Nguyễn Khuyến	23
24	THPT Nguyễn Trãi	24
25	THPT Nhữ Văn Lan	25
26	THPT Nội trú Đồ Sơn	26
27	THPT Phạm Ngũ Lão	27
28	THPT Phan Đăng Lưu	28
29	THPT Quang Trung	29
30	THPT Quốc Tuấn	30
31	THPT Thái Phiên	31
32	THPT Thụy Hương	32
33	THPT Thủy Sơn	33
34	THPT Tiên Lãng	34
35	THPT Tô Hiệu	35
36	THPT Toàn Thắng	36
37	THPT Trần Hưng Đạo	37
38	THPT Trần Nguyên Hãn	38
39	THPT Vĩnh Bảo	39
40	Lớp Toán chuyên	71
41	Lớp Vật lý chuyên	72
42	Lớp Hóa học chuyên	73
43	Lớp Sinh học chuyên	74
44	Lớp Tin chuyên	75
45	Lớp Không chuyên TN	76
46	Lớp Ngữ văn chuyên	77
47	Lớp Lịch sử chuyên	78
48	Lớp Địa lý chuyên	79
49	Lớp Không chuyên XH	80
50	Lớp Tiếng Anh chuyên	81
51	Lớp Tiếng Nga chuyên	82
52	Lớp Tiếng Pháp chuyên	83
53	Lớp Tiếng Trung chuyên	84
54	Lớp Tiếng Hàn chuyên	85
55	Lớp Tiếng Nhật chuyên	86

2. BẢNG MÃ TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

QUẬN HỒNG BÀNG

TT	Tên trường THCS	Mã trường
1	THCS Quán Toan	0121
2	THCS Hùng Vương	0122
3	THCS Bạch Đằng	0123
4	THCS Nguyễn Trãi	0124
5	THCS Ngô Gia Tự	0125

TT	Tên trường THCS	Mã trường
6	THCS Trần Văn Ơn	0126
7	THCS Hồng Bàng	0127
8	THCS Phan Bội Châu	0128
9	Vinschool Imperia	0129

QUẬN NGÔ QUYỀN

TT	Tên trường THCS	Mã trường
1	THCS Quang Trung	0321
2	THCS Đà Nẵng	0322
3	THCS Lạc Viên	0323
4	THCS Lý Tự Trọng	0324

TT	Tên trường THCS	Mã trường
5	THCS Chu Văn An	0325
6	THCS Nguyễn Đình Chiểu	0326
7	THCS Lê Hồng Phong	0327
8	THCS An Đà	0328

QUẬN LÊ CHÂN

TT	Tên trường THCS	Mã trường
1	THCS Trần Phú	0521
2	THCS Ngô Quyền	0522
3	THCS Hoàng Diệu	0523
4	THCS Trương Công Định	0524
5	THCS Võ Thị Sáu	0525

TT	Tên trường THCS	Mã trường
6	THCS Nguyễn Bá Ngọc	0526
7	THCS Lê Chân	0527
8	THCS Tô Hiệu	0528
9	THCS Vĩnh Niệm	0529
10	THCS Dư Hàng Kênh	0530

QUẬN KIẾN AN

TT	Tên trường THCS	Mã trường
1	THCS Bắc Hà	0721
2	THCS Trần Phú	0722
3	THCS Nam Hà	0723
4	THCS Đồng Hoà	0724

TT	Tên trường THCS	Mã trường
5	THCS Trần Hưng Đạo	0725
6	THCS Lương Khánh Thiện	0726
7	THCS Bắc Sơn	0727

QUẬN ĐỒ SƠN

TT	Tên trường THCS	Mã trường
1	THCS Vạn sơn	0921
2	THCS Vạn Hương	0922
3	THCS Ngọc Hải	0924

TT	Tên trường THCS	Mã trường
4	THCS Bàng La	0925
5	THCS Hợp Đức	0926

QUẬN DƯƠNG KINH

TT	Tên trường THCS	Mã trường
1	THCS Hưng Đạo	2921
2	THCS Anh Dũng	2922
3	THCS Đa Phúc	2923
4	THCS Hải Thành	2924

TT	Tên trường THCS	Mã trường
5	THCS Hoà Nghĩa	2925
6	THCS Tân Thành	2927
7	PTNC Hai Bà Trưng	2928

QUẬN HẢI AN

TT	Tên trường THCS	Mã trường
1	THCS Lê Lợi	2721
2	THCS Đằng Lâm	2722
3	THCS Đằng Hải	2723
4	THCS Đông Hải	2724

TT	Tên trường THCS	Mã trường
5	THCS Nam Hải	2725
6	THCS Tràng Cát	2726
7	PT Hermann Gmeiner	2727

HUYỆN AN DƯƠNG

TT	Tên trường THCS	Mã trường
1	THCS Lê Thiện	1321
2	THCS Đại Bản	1322
3	THCS Tân Tiến	1323
4	THCS Bắc Sơn	1324
5	THCS An Hưng	1325
6	THCS An Hồng	1326
7	THCS Nam Sơn	1327
8	THCS An Dương	1328

TT	Tên trường THCS	Mã trường
9	THCS An Hoà	1329
10	THCS Hồng Phong	1330
11	THCS Lê Lợi	1331
12	THCS Đặng Cương	1332
13	THCS Hồng Thái	1333
14	THCS Quốc Tuấn	1334
15	THCS An Đồng	1335
16	THCS Đồng Thái	1336

HUYỆN AN LÃO

TT	Tên trường THCS	Mã trường
1	THCS Bát Trang	1521
2	THCS Trường Thọ	1522
3	THCS Trường Thành	1523
4	THCS An Tiến	1524
5	THCS Lương Khánh Thiện	1525
6	THCS An Thắng	1526
7	THCS Tân Dân	1527
8	THCS Trường Sơn	1528
9	THCS Thái Sơn	1529

TT	Tên trường THCS	Mã trường
10	THCS Nguyễn Chuyên Mỹ	1530
11	THCS Lê Khắc Cẩn	1531
12	THCS Chiến Thắng	1532
13	THCS Mỹ Đức	1533
14	THCS Tân Viên	1534
15	THCS Quốc Tuấn	1535
16	THCS Quang Trung	1536
17	THCS Quang Hưng	1537

HUYỆN CÁT HẢI

TT	Tên trường THCS	Mã trường
1	THCS Cát Bà	2321
2	THCS Hà Sen	2322
3	THCS Xuân Đám	2323
4	THCS Gia Luận	2324
5	THCS Cát Hải	2326
6	THCS Phù Long	2327

TT	Tên trường THCS	Mã trường
7	THCS Nghĩa Lộ	2328
8	THCS Văn Phong	2329
9	THCS Hoàng Châu	2330
10	THCS Đồng Bài	2331
11	THCS Võ Thị Sáu	2332
12	THCS Hiền Hào	2333

HUYỆN KIẾN THỤY

TT	Tên trường THCS	Mã trường
1	THCS Tú Sơn	1728
2	THCS Đại Hợp	1729
3	THCS Đoàn Xá	1730
4	THCS Thanh Sơn	1732
5	THCS Kiến Quốc	1733
6	THCS Thụy Hương	1734
7	THCS Thuận Thiên	1735
8	THCS Thị Trấn Núi Đối	1736
9	THCS Hữu Bằng	1737

TT	Tên trường THCS	Mã trường
10	THCS Ngũ Phúc	1739
11	THCS Ngũ Đoan	1740
12	THCS Tân Trào	1741
13	THCS Đại Hà	1742
14	THCS Minh Tân	1743
15	THCS Tân Phong	1744
16	THCS Đại Đồng	1745
17	THCS Đông Phương	1746
18	THCS Du Lễ	1747

HUYỆN TIÊN LÃNG

TT	Tên trường THCS	Mã trường
1	THCS Đại Thắng	1921
2	THCS Tự Cường	1922
3	THCS Tiên Cường	1923
4	THCS Khởi Nghĩa	1924
5	THCS Tiên Thanh	1925
6	THCS Tiên Tiến	1926
7	THCS Thị Trấn	1927
8	THCS Quyết Tiến	1928
9	THCS Bạch Đằng	1929
10	THCS Cấp Tiến	1930
11	THCS Kiến Thiết	1931
12	THCS Đoàn Lập	1932

TT	Tên trường THCS	Mã trường
13	THCS Quang Phục	1933
14	THCS Toàn Thắng	1934
15	THCS Tiên Minh	1935
16	THCS Tiên Thắng	1936
17	THCS Đông Hưng	1937
18	THCS Bắc Hưng	1938
19	THCS Nam Hưng	1939
20	THCS Vinh Quang	1940
21	THCS Hùng Thắng	1941
22	THCS Tiên Hưng	1942
23	THCS Tây Hưng	1943

HUYỆN THỦY NGUYÊN

TT	Tên trường THCS	Mã trường
1	THCS Lại Xuân	1120
2	THCS Kỳ Sơn	1121
3	THCS An Sơn	1122
4	THCS Quảng Thanh	1123
5	THCS Phù Ninh	1124
6	THCS Chính Mỹ	1125
7	THCS Hợp Thành	1126
8	THCS Cao Nhân	1127
9	THCS Mỹ Đồng	1128
10	THCS Thiên Hương	1129
11	THCS Kiền Bái	1130
12	THCS Đông Sơn	1131
13	THCS Hoàng Động	1133
14	THCS Lâm Động	1134
15	THCS Hoa Động	1135
16	THCS Tân Dương	1136
17	THCS Dương Quan	1137
18	THCS Lê Ích Mộc	1138

TT	Tên trường THCS	Mã trường
19	THCS Minh Tân	1139
20	THCS Liên Khê	1140
21	THCS Gia Minh	1141
22	THCS Lưu Kiếm	1142
23	THCS Gia Đức	1143
24	THCS Hoà Bình	1144
25	THCS Kênh Giang	1145
26	THCS Thủy Đường	1146
27	THCS An Lư	1147
28	THCS Minh Đức	1148
29	THCS Ngũ Lão	1149
30	THCS Trung Hà	1150
31	THCS Thủy Triều	1151
32	THCS Tam Hưng	1152
33	THCS Phục Lễ	1153
34	THCS Phả Lễ	1154
35	THCS Lập Lễ	1155

HUYỆN VĨNH BẢO

TT	Tên trường THCS	Mã trường
1	THCS Cổ Am - Vĩnh Tiến	2121
2	THCS Trấn Dương	2122
3	THCS Hoà Bình	2124
4	THCS Tam Cường	2125
5	THCS Lý Học - Liên Am	2126
6	THCS Cao Minh	2128
7	THCS Tiền Phong-Vĩnh Phong	2129
8	THCS Cộng Hiền	2131
9	THCS Đồng Minh	2133
10	THCS Hưng Nhân	2134
11	THCS Tân Hưng - Thị Trấn	2135
12	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	2136

TT	Tên trường THCS	Mã trường
13	THCS Tân Liên	2140
14	THCS An Hoà	2142
15	THCS Vinh Quang-Thanh Lương	2143
16	THCS Nhân Hoà - Tam Đa	2144
17	THCS Trung lập	2145
18	THCS Thắng Thuỷ - Vĩnh Long	2146
19	THCS Hiệp Hoà - Hùng Tiến	2147
20	THCS Giang Biên	2148
21	THCS Việt Tiến	2149
22	THCS Dũng Tiến	2150
23	THCS Vĩnh An	2151

NGOẠI TỈNH

TT	Tên trường THCS	Mã trường
1	Ngoại tỉnh	9999

TT	Tên trường THCS	Mã trường

3. BẢNG MÃ DIỆN ƯU TIÊN

TT	Mã ưu tiên	Đối tượng ưu tiên
1	D11	- Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số; - Người dân tộc thiểu số.
2	D12	Người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
3	D21	- Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng; - Con thương binh mất sức lao động dưới 81%; - Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%; - Con của người được cấp "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%".
4	D31	- Con liệt sĩ; - Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên; - Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên; - Con của người được cấp "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên"; - Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; - Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; - Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

4. BẢNG MÃ MÔN THI NGOẠI NGỮ (BÀI THI SỐ 3)

Mã môn	Tên môn
1	Tiếng Anh
2	Tiếng Nga
3	Tiếng Pháp
4	Tiếng Trung Quốc

Mã môn	Tên môn
5	Tiếng Nhật bản
6	Tiếng Hàn Quốc
7	Tiếng Đức

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo để các cơ sở giáo dục, phụ huynh và học sinh được biết./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KTKĐ.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Đỗ Văn Lợi